

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST

Ngày: 11-11-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Thanh Nhân

2. Ông Trịnh Văn Út

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2020/TLST - HS, ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST - HS, ngày 05 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Thị N, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: ấp An Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Bé M, sinh năm 1951 và bà Châu Thị T, sinh năm: 1951; Chồng Huỳnh Văn A, sinh năm 1977 và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/12/2019 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1980. Nơi cư trú: K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

2. Ông Võ Văn Vũ E, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

3. Ông Bùi Minh T1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

4. Bà Võ Thị Diệu H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

5. Ông Đỗ Hoài P, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

6. Bà Trần Mỹ U, sinh 1990. Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hội đồng nhân dân xã T Khóa XI, nhiệm kỳ 2016 – 2021 gồm có 28 đại biểu, trong đó Nguyễn Chí L là Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Trương Thị N là phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Theo Quyết định số 04/QĐ-HĐND, ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân xã T khóa XI, nhiệm kỳ 2016 – 2021 thì việc lập dự toán kinh phí hoạt động; tổ chức thực hiện dự toán; quản lý kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã do Công chức văn phòng thống kê UBND xã chịu trách nhiệm thực hiện, nhưng do biên chế của xã thiếu đối với Công chức văn phòng thống kê nên công việc lập dự toán kinh phí hoạt động; tổ chức thực hiện dự toán; quản lý kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã theo nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh đều do bà Trương Thị N kiêm nhiệm.

Cuối năm 2016, Trương Thị N lập dự trù nguồn kinh phí tiếp công dân và thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm 2017, cụ thể như sau: Tiếp công dân số tiền 5.200.000 đồng và thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân là 6.600.000 đồng; lập dự trù nguồn kinh phí tiếp công dân và thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm 2018, cụ thể: Tiếp công dân số tiền 3.900.000 đồng và thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân là 11.760.000 đồng (Có kèm theo các chứng từ quyết toán năm 2017 và 2018)

Năm 2017, Thường trực Hội đồng nhân dân xã T ban hành lịch tiếp công dân, nhưng không tiếp công dân trường hợp nào, không có sổ, không có biên bản ghi chép việc tiếp công dân, nhưng Trương Thị N đã lập chứng từ không quyết toán số tiền tiếp công dân 5.100.000 đồng trình ông Nguyễn Chí L ký duyệt, nộp cho bà Võ Thị Diệu H là kế toán xã T, trình ông Võ Văn Vũ E – chủ tài khoản, là Chủ tịch UBND xã T duyệt chi. Sau khi nhận và có trách nhiệm quản lý số tiền 5.100.000 đồng, Trương Thị N tự ý đưa cho ông Nguyễn Chí L 2.400.000 đồng, còn lại 2.700.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Tiền thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã T thực hiện theo Nghị quyết 17 năm 2016 và Nghị Quyết 76 năm 2018, Trương Thị N đã lập chứng từ quyết toán thăm bệnh 21 đại biểu Hội đồng nhân dân tổng cộng 22 lần hết số tiền dự trù kinh phí là 6.600.000 đồng, trình ông Nguyễn Chí L ký duyệt, nộp cho bà Võ Thị Diệu H là kế toán xã

T trình ông Võ Văn Vũ E, chủ tịch xã, chủ tài khoản để duyệt chi. Thường trực Hội đồng nhân dân xã T do bà Trương Thị N chi thăm bệnh thực tế 02 đại biểu Hội đồng nhân dân xã là bà Phạm Thị T1, sinh năm 1968, cư ngụ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh và ông Đoàn Văn H1, sinh năm 1959, cư ngụ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, số tiền thăm bệnh là 200.000 đồng/người, còn lại số tiền **6.200.000** đồng bà Trương Thị N lập chứng từ khống quyết toán và chiếm đoạt không báo cáo cho ông Nguyễn Chí L biết. Số tiền này Trương Thị N tự ý chi bổ sung không có chứng từ vào phần kinh phí phát sinh hoạt động của Hội đồng nhân dân xã với số tiền **2.600.000** đồng, còn lại số tiền **3.600.000** đồng, N tiêu xài cá nhân hết.

Năm 2018, Trương Thị N lập chứng từ quyết toán thăm bệnh 24 đại biểu HỒI đồng nhân dân, số tiền là **11.760.000** đồng, trình cho ông Nguyễn Chí L Ký duyệt, nộp cho bà Võ Thị Diệu H kế toán xã trình cho ông Võ Văn Vũ E, Chủ tịch xã là chủ tài khoản và ông Bùi Minh T, phó Chủ tịch xã là chủ tài khoản duyệt chi. Sau khi nhận tiền và có trách nhiệm quản lý, Thường trực Hội đồng nhân dân chi thăm bệnh 05 trường hợp, trong đó Trương Thị N thăm bệnh và chi thực tế 04 đại biểu gồm: ông Đoàn Văn H1, ông Nguyễn Chí L, ông Lê Văn Đ và bản thân Trương Thị N với số tổng số tiền 1.390.000 đồng và ông Nguyễn Chí L thăm 01 trường hợp hộ nghèo là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957, cư ngụ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 200.000 đồng, còn lại số tiền **10.170.000** đồng Trương Thị N tự ý lập chứng từ khống, quyết toán chiếm đoạt, không báo cáo cho ông Nguyễn Chí L biết và đã tự ý bổ sung chi không chứng từ vào phần kinh phí phát sinh hoạt động của Hội đồng nhân dân xã với số tiền **4.734.000** đồng, còn lại số tiền **5.436.000** đồng Trương Thị N tiêu xài cá nhân hết. Riêng tiền tiếp công dân không lập chứng từ quyết toán và đã gửi lại cho kế toán xã T cuối năm đăng nộp về Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Quá trình điều tra Trương Thị N thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 Trương Thị N với vai trò là phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã có hành vi lập các chứng từ khống để chiếm đoạt tổng số tiền là **13.736.000** đồng, trong đó tiền tiếp công dân năm 2017 là **4.700.000** đồng; thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm 2017 là **3.600.000** đồng và tiền thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm 2018 là **5.436.000** đồng.

Ngày 21/5/2019, Trương Thị N khắc phục số tiền 21.470.000 đồng đã lập chứng từ khống chiếm đoạt, bằng hình thức nộp vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại bản cáo trạng số: 37/VKS-HS, ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Trương Thị N về tội “*Tham ô tài sản*”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trương Thị N hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long và

thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 Trương Thị N với vai trò là phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã có hành vi lập các chứng từ khống để chiếm đoạt tổng số tiền là **13.736.000** đồng, trong đó tiền tiếp công dân năm 2017 là **4.700.000** đồng (trong số tiền này N cho rằng có đưa cho ông L là 2.400.000 đồng, ông L chỉ thừa nhận có nhận 400.000 đồng nhưng không biết là tiền tiếp công dân), nhưng quá trình điều tra không có chứng cứ chứng minh ông L có nhận số tiền như N trình bày; thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm 2017 là **3.600.000** đồng và tiền thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm 2018 là **5.436.000** đồng.

*Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:* Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị N từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 tháng tù, về tội tham ô tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 21/5/2019, bị cáo Trương Thị N đã khắc phục số tiền 21.470.000 đồng mà bị cáo đã lập chứng từ khống chiếm đoạt, bằng hình thức nộp vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nhưng thực tế thì số tiền bị cáo phạm tội là **13.736.000** đồng, nên dư **7.734.000** đồng được trả lại cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: không có

Về vật chứng: Vị đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án các vật chứng có trong quá trình điều tra Cơ quan Công an đã thu thập được.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trương Thị N phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Đối với hành vi Nguyễn Chí L, Võ Văn Vũ, Bùi Minh T, Võ Thị Diệu H, Đỗ Hoài P không đủ yếu tố cấu thành tội phạm; tuy nhiên kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tùy theo mức độ xử lý cho phù hợp đối với từng hành vi của các đương sự do thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra dẫn đến vụ việc sai phạm của bà N.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Trương Thị N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với các biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Lời nhận tội của bị cáo Trương Thị N tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với biên bản ghi lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Càng Long thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Trương Thị N về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trương Thị N là rất nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm uy tín, đúng đắn trong hoạt động của cơ quan Nhà nước do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện nhiệm vụ, là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, bị cáo là người có trình độ, hiểu biết pháp luật và đang giữ chức vụ quyền hạn trong cơ quan Nhà nước nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, điều đó thể hiện sự bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật của bị cáo. Cụ thể trong vụ án này vì mục đích có tiền tiêu xài cá nhân mà từ năm 2017 đến năm 2018 bị cáo N với vai trò là phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo đã có hành vi nhiều lần lập nhiều chứng từ khống để chiếm đoạt tổng số tiền là **13.736.000** đồng, trong đó tiền tiếp công dân năm 2017 là **4.700.000** đồng; thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm 2017 là **3.600.000** đồng và tiền thăm bệnh đại biểu Hội đồng nhân dân xã năm 2018 là **5.436.000** đồng.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo nhận thức được hành vi lập chứng từ khống để qua mặt các cơ quan chức năng và qua mặt cơ quan Nhà nước nhằm chiếm đoạt số tiền **13.736.000** đồng là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ ý thức chủ quan, bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao như một phương tiện phạm

tội để biến tài sản của Nhà nước thành tài sản riêng của mình, bất chấp quy định của pháp luật mà bị cáo cố tình phạm tội trong thời gian dài.

[4] Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Trong quá trình điều tra bị cáo Trương Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền mà bị cáo đã lập chứng từ khống là 21.470.000 đồng, bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có truyền thống cách mạng, có ông ngoại tên Châu Văn L1 là Liệt sỹ, bị cáo có nhiều thành tích nổi bật góp phần quan trọng vào việc xây dựng, phát triển địa phương và hiện tại bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không có

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền 21.470.000 đồng mà đã chiếm đoạt của Nhà nước, bằng hình thức nộp vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện C, tỉnh Trà Vinh. Số tiền bị cáo đã phạm tội là 13.736.000 đồng vì vậy nghĩ nên hoàn trả số tiền chênh lệch cho bị cáo là 7.734.000 đồng.

[7] Ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng gồm:

+ **15** phiếu chi các ngày: 26/12/2018; 27/11/2018; 10/11/2017; 26/9/2017; 19/7/2017; 06/6/2017; 06/6/2017; 19/7/2017; 26/9/2017; 10/11/2017; 10/4/2017; 02/3/2017; 02/3/2017; 10/4/2017; 29/12/2017

+ **18** biên nhận các ngày: 23/11/2017; 27/3/2017; 10/02/2017; 26/4/2017; 27/6/2017; 27/7/2017; 27/10/2017; 27/9/2017; 27/8/2017; 27/12/2017; 27/11/2017; 26/6/2018; 18/5/2018; 27/4/2017; 23/3/2018; 27/02/2018; 28/01/2018; 19/12/2018;

+ **19** giấy đề nghị thanh toán các ngày: 27/11/2017; 28/12/2017; 27/12/2017; 29/11/2017; 29/01/2018; 27/02/2018; 27/3/2018; 27/4/2018; 28/5/2018; 28/6/2018; 27/8/2017; 28/9/2017; 27/10/2017; 27/7/2017; 28/7/2017; 30/8/2017; 27/10/2017; 28/9/2017; 26/12/2017

+ **10** Bản đề nghị các ngày: 29/6/2017; 27/4/2017; 30/3/2017; 27/02/2017; 25/01/2017; 23/01/2017; 17/3/2017; 10/02/2017; 26/4/2017; 28/6/2017

+ 12 danh sách cấp tiền tiếp công dân các ngày: 27/12/2017; 29/11/2017; 27/10/2017; 28/9/2017; 30/8/2017; 31/7/2017; 30/6/2017; 27/5/2017; 27/4/2017; 30/3/2017; 27/02/2017; 25/01/2017

+ Giấy rút dự toán ngân sách: Tạm ứng (ngày 24/01/2017; 06/3/2017; 19/4/2017; 13/6/2017; 26/7/2017; 18/10/2017; 06/02/2018; 15/6/2018; 07/9/2018; 12/11/2018; 03/12/2018); Thực chi (ngày 08/01/2018; 22/01/2018; 09/01/2019)

+ Giấy đề nghị thanh toán: tạm ứng (ngày 24/3/2017; 17/4/2017; 14/6/2017; 15/8/2017; 24/10/2017; 28/11/2017; 21/5/2017; 29/11/2018; 20/8/2018; 09/01/2019)

+ Bảng kê chứng từ thanh toán: tạm ứng (ngày 24/3/2017; 17/4/2017; 14/6/2017; 15/8/2017; 24/10/2017; 27/11/2017; 21/5/2018; 20/8/2018; 29/11/2018; 09/01/2019); thực chi (ngày 08/01/2017; 09/01/2019; 22/01/2018)

+ 07 tờ biên nhận được đánh số từ 01 đến 07.

+ 01 quyển tập học sinh bìa màu xanh, phía ngoài có hình Bác Hồ và các cháu thiếu nhi, phía trên hình là dòng chữ “VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH” gồm 43 tờ được đánh số từ 01 đến 43, mỗi tờ có chữ ký xác nhận của Trương Thị N.

+ 01 quyển tập học sinh gồm 48 tờ, bìa quyển tập có chữ “Funny Dol phin TAN VINH TIEN BOOK”, từng tờ đều có chữ ký xác nhận của Trương Thị N.

+ 03 hóa đơn bán hàng được đánh số thứ tự từ 01 đến 03, trên mỗi tờ có chữ viết, chữ số và chữ ký xác nhận của Trương Thị N.

Tất cả vật chứng là chứng cứ quan trọng được tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Chí L - Bí thư Đảng ủy, kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân xã là người trực tiếp lãnh đạo chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, là người ký xác nhận chứng từ do Trương Thị N lập không, ông L đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, quản lý. Tuy nhiên, khi ký xác nhận chứng từ ông L không biết là chứng từ không, N không nói thực tế là không tiếp công dân, không thăm đại biểu Hội đồng nhân dân, việc N quản lý tiền chi bổ sung, chi không chứng từ vào phần kinh phí phát sinh hoạt động của Hội đồng nhân dân, N cũng không báo cáo, không xin chủ trương của ông L. Đồng thời Nguyễn Chí L khẳng định không nhận số tiền 2.400.000 đồng như Trương Thị N đã trình bày, ngoài ra không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh việc này. Do đó hành vi của Nguyễn Chí L không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với Võ Văn Vũ E – Chủ tịch UBND xã T là chủ tài khoản, chịu trách nhiệm kiểm tra chứng từ trước khi duyệt chi, nhưng lại thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra dẫn đến vụ việc sai phạm của bà N. Tuy nhiên ông Võ Văn Vũ E khi duyệt chứng từ quyết toán không biết đó là chứng từ không do N lập, không

nhận bất cứ lợi ích gì từ việc Trương Thị N thực hiện hành vi phạm tội, nên hành vi của ông E không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với Bùi Minh T – phó Chủ tịch UBND xã T, được giao xử lý công việc của Chủ tịch do ông E bị xử lý kỷ luật. Ông T chịu trách nhiệm kiểm tra chứng từ trước khi duyệt chi, nhưng lại thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra dẫn đến vụ việc sai phạm của bà N. Tuy nhiên ông T khi duyệt chứng từ quyết toán không biết đó là chứng từ không do N lập, không nhận bất cứ lợi ích gì từ việc Trương Thị N thực hiện hành vi phạm tội, nên hành vi của ông T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với Võ Thị Diệu H – Kế toán là người chịu trách nhiệm kiểm tra chứng từ quyết toán trước khi trình Chủ tịch UBND xã duyệt chi, nhưng thiếu trách nhiệm trong khâu kiểm tra dẫn đến vụ việc sai phạm của bà N. Tuy nhiên, khi trình Chủ tịch UBND xã duyệt chứng từ, quyết toán bà H không biết đó là chứng từ không do N lập, không nhận bất cứ lợi ích gì từ việc Trương Thị N thực hiện hành vi phạm tội, nên hành vi của bà H không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với Đỗ Hoài P – Thủ quỹ, có giai đoạn làm Kế toán thay bà H nghỉ thai sản, có nhiệm vụ cấp phát tiền cho Trương Thị N, kiểm tra chứng từ quyết toán trước khi trình Chủ tịch UBND xã duyệt chi, nhưng thiếu trách nhiệm trong khâu kiểm tra dẫn đến vụ việc sai phạm của bà N. Tuy nhiên, ông P không biết đó là chứng từ không do N lập, không nhận bất cứ lợi ích gì từ việc Trương Thị N thực hiện hành vi phạm tội, nên hành vi của ông P không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Do hành vi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Chí L, ông Võ Văn Vũ E, ông Bùi Minh T, bà Võ Thị Diệu H và ông Đỗ Hoài P không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tùy theo mức độ có biện pháp xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Trương Thị N phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

- Áp dụng các Điều 45, 260, 268, 269, 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 353, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trương Thị N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ bản án có hiệu lực pháp luật pháp luật, ngày bị cáo Trương Thị N chấp hành án phạt tù.

Hình phạt bổ sung: Không có.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585 và Điều 586 của Bộ luật dân sự.



Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền 21.470.000 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*) bằng hình thức nộp vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong này số tiền bị cáo đã phạm tội là 13.736.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng*), vì vậy hoàn trả số tiền chênh lệch cho bị cáo là 7.734.000 đồng (*Bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

**3. Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án các vật chứng gồm: **15** phiếu chi các ngày: 26/12/2018; 27/11/2018; 10/11/2017; 26/9/2017; 19/7/2017; 06/6/2017; 06/6/2017; 19/7/2017; 26/9/2017; 10/11/2017; 10/4/2017; 02/3/2017; 02/3/2017; 10/4/2017; 29/12/2017. **18** biên nhận các ngày: 23/11/2017; 27/3/2017; 10/02/2017; 26/4/2017; 27/6/2017; 27/7/2017; 27/10/2017; 27/9/2017; 27/8/2017; 27/12/2017; 27/11/2017; 26/6/2018; 18/5/2018; 27/4/2017; 23/3/2018; 27/02/2018; 28/01/2018; 19/12/2018. **19** giấy giấy đề nghị thanh toán các ngày: 27/11/2017; 28/12/2017; 27/12/2017; 29/11/2017; 29/01/2018; 27/02/2018; 27/3/2018; 27/4/2018; 28/5/2018; 28/6/2018; 27/8/2017; 28/9/2017; 27/10/2017; 27/7/2017; 28/7/2017; 30/8/2017; 27/10/2017; 28/9/2017; 26/12/2017. **10** Bản đề nghị các ngày: 29/6/2017; 27/4/2017; 30/3/2017; 27/02/2017; 25/01/2017; 23/01/2017; 17/3/2017; 10/02/2017; 26/4/2017; 28/6/2017. **12** danh sách cấp tiền tiếp công dân các ngày: 27/12/2017; 29/11/2017; 27/10/2017; 28/9/2017; 30/8/2017; 31/7/2017; 30/6/2017; 27/5/2017; 27/4/2017; 30/3/2017; 27/02/2017; 25/01/2017. Giấy rút dự toán ngân sách: Tạm ứng (ngày 24/01/2017; 06/3/2017; 19/4/2017; 13/6/2017; 26/7/2017; 18/10/2017; 06/02/2018; 15/6/2018; 07/9/2018; 12/11/2018; 03/12/2018); Thực chi (ngày 08/01/2018; 22/01/2018; 09/01/2019). Giấy đề nghị thanh toán: tạm ứng (Ngày 24/3/2017; 17/4/2017; 14/6/2017; 15/8/2017; 24/10/2017; 28/11/2017; 21/5/2017; 29/11/2018; 20/8/2018; 09/01/2019). Bảng kê chứng từ thanh toán: tạm ứng (ngày 24/3/2017; 17/4/2017; 14/6/2017; 15/8/2017; 24/10/2017; 27/11/2017; 21/5/2018; 20/8/2018; 29/11/2018; 09/01/2019); thực chi (ngày 08/01/2017; 09/01/2019; 22/01/2018). 07 tờ biên nhận được đánh số từ 01 đến 07. 01 quyển tập học sinh bìa màu xanh, phía ngoài có hình Bác Hồ và các cháu thiếu nhi, phía trên hình là dòng chữ “VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH” gồm 43 tờ được đánh số từ 01 đến 43, mỗi tờ có chữ ký xác nhận của Trương Thị N. 01 quyển tập học sinh gồm 48 tờ, bìa quyển tập có chữ “Funny Dol phin TAN VINH TIEN BOOK”, từng tờ đều có chữ ký xác nhận của Trương Thị N. 03 hóa đơn bán hàng được đánh số thứ tự từ 01 đến 03, trên mỗi tờ có chữ viết, chữ số và chữ ký xác nhận của Trương Thị N.

**4. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 2 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Thị N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Thanh**